

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 11/2017)

T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni - N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3		
			QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3		
			QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9		
			QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		0.9		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời nắng nhẹ, t° = 24°C, độ ẩm 80%, gió ĐB 1 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh.	7.1	14	5.2	0.1	0.218	123	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 85%, gió ĐB 1 km/h. Dòng chảy chậm, cổng mở, nước cạn.	Nước màu xanh lục.	7.13	12	4.89	0.1	0.167	128	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐB 13 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn.	Nước màu xanh.	7.2	7	1.76	0.2	0.334	316	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng điều tiết	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 6	Nước màu	7.13	3	2.5	0.1	0.167	216	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo		
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni - N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9			
		Vân Cầu	km/h. Không có dòng chảy, nước cạn, công mở hé. Nhiều lá cây trên kênh.	xanh.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Công điều tiết Bi Nội	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 9 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn, công mở hé,	Nước màu xanh lục.	7.34	2	3.7	0.1	0.179	250	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
6	6	Công điều tiết Mỏ Thổ	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 7 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn, công mở.	Nước màu xanh lục.	7.95	5	6.2	0.2	1.088	310	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
7	7	Công điều tiết Điểm Tổng	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 73%, gió ĐDB 6 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn, công mở.	Nước màu xanh đen.	7.73	15	5.5	0.2	0.614	285	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
8	8	Công lấy nước đầu kênh N2	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 78%, gió ĐB 11 km/h. Nước cạn, không có dòng	Nước màu xanh lục.	7.12	4	3.36	0.2	0.206	345	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni - N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9		
			chảy. Nhiều rác thải dưới kênh.								tồn đọng, thực vật thủy sinh.
9	9	Cổng điều tiết Lăng Trình	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 69%, gió ĐB 13 km/h. Cổng mở, nước cạn, không có dòng chảy.	Nước màu xanh.	6.95	7	1.75	0.1	0.194	205	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.
10	10	Cổng điều tiết Kè Thường	Trời nhiều mây, t° = 27°C, độ ẩm 65%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn, cổng mở. Nước mùi hôi thối.	Nước màu xanh.	7.55	16	4.22	0.3	2.152	402	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.
11	11	Cổng điều tiết Kè Thẽ	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 3 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn, cổng mở. Nhiều rác thải dưới kênh.	Nước màu xanh lục.	7.46	24	1.35	0.6	4.561	816	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.
12	12	Cổng điều tiết Kè Non	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 70%, gió ĐDB 12 km/h. Dòng chảy chậm, cổng đóng. Thượng lưu cổng nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.27	33	5.25	0.1	1.379	148	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni - N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9		
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 69%, gió ĐĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu xanh lục.	6.99	46	2.2	0.1	1.360	191	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Công điều tiết An Cập	Trời nhiều mây, t° = 27°C, độ ẩm 65%, gió ĐB 5 km/h. Nước cạn, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.51	8	5.27	0.1	0.253	197	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Công Kè Tràng trên kênh N3	Trời nhiều mây, t° = 27°C, độ ẩm 69%, gió Đ 11 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn. Nhiều rác thải bốc mùi hôi thối.	Nước màu xanh đen.	7.52	14	3.2	0.4	2.836	567	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.